



TON DONG A CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÁNG 01 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.804.234.934.911	10.253.837.668.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	600.514.100.145	766.408.753.421
Tiền	111		500.514.100.145	766.408.753.421
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.707.253.380.470	3.219.633.265.825
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.707.253.380.470	3.219.633.265.825
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.764.228.377.142	1.362.958.004.687
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.660.573.238.116	1.340.785.175.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.887.528.486	12.858.949.824
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		88.708.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	30.389.417.453	39.787.582.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(31.329.806.913)	(30.473.702.367)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.365.130.590.974	4.447.130.724.360
Hàng tồn kho	141		3.432.990.222.267	4.697.847.333.985
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(67.859.631.293)	(250.716.609.625)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		367.108.486.180	457.706.920.415
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	19.613.833.999	21.239.232.458
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.14	347.213.822.794	436.467.687.957
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	280.829.387	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.671.747.529.022	2.471.631.824.297
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5	5.379.160.000	4.869.160.000
Phải thu dài hạn khác	216		5.379.160.000	4.869.160.000
II. Tài sản cố định	220		1.567.989.488.245	1.717.970.079.168
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.444.054.635.873	1.595.158.208.511
- Nguyên giá	222		4.372.017.625.649	4.304.601.771.695
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.927.962.989.776)	(2.709.443.563.184)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	123.934.852.372	122.811.870.657
- Nguyên giá	228		142.870.576.227	140.630.976.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18.935.723.855)	(17.819.105.570)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	21.578.389.943	39.821.730.957
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.578.389.943	39.821.730.957
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		757.980.561.414	369.600.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	V.11	497.980.561.414	259.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	260.000.000.000	110.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		318.819.929.420	339.370.854.172
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	300.305.379.038	284.043.519.719
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.514.550.382	55.327.334.453
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.475.982.463.933	12.725.469.493.005

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.676.044.136.537	9.016.891.927.638
I. Nợ ngắn hạn	310		7.651.960.950.487	8.937.122.841.216
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.406.140.138.915	1.841.819.636.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	34.254.158.912	57.084.248.832
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	85.001.580.952	211.110.480.240
Phải trả người lao động	314		26.226.612.129	30.159.669.087
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.000.538.391	11.633.318.114
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	65.270.186.156	2.694.201.186
Vay ngắn hạn	320	V.16	5.981.237.785.202	6.742.456.875.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.829.949.830	40.164.411.917
II. Nợ dài hạn	330		24.083.186.050	79.769.086.422
Vay dài hạn	338	V.16	24.083.186.050	24.083.422.460
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.17	-	55.685.663.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.799.938.327.396	3.708.577.565.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	3.799.938.327.396	3.708.577.565.367
Vốn cổ phần	411		1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.469.150.783.441	1.721.863.431.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421A		1.237.158.307.108	1.437.086.324.565
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421B		231.992.476.333	284.777.106.847
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.475.982.463.933	12.725.469.493.005

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý IV năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.294.778.932.560	3.854.264.825.822	15.198.879.421.379	18.960.178.657.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		12.045.096.191	7.850.610.890	24.319.312.634	17.905.483.462
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.282.733.836.369	3.846.414.214.932	15.174.560.108.745	18.942.273.173.755
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.099.157.353.627	3.644.779.438.201	14.200.555.593.347	17.493.453.703.576
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		183.576.482.742	201.634.776.731	974.004.515.398	1.448.819.470.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	68.142.668.127	137.525.162.992	317.934.977.546	434.306.403.155
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	75.342.944.796	91.076.985.279	359.814.776.625	347.684.286.662
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.080.390.367	69.073.430.984	267.616.159.503	236.758.267.227
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	90.140.557.236	206.415.168.992	539.660.741.011	1.099.339.061.356
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.729.699.405	32.199.496.922	88.079.326.629	85.308.950.660
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (25+ 26))	30		60.505.949.432	9.468.288.530	304.384.648.679	350.793.574.656
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.163.606.156	1.469.937.790	6.460.943.045	8.181.988.288
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.846.304.252	137.907.285	3.520.725.510	144.570.999
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.682.698.096)	1.332.030.505	2.940.217.535	8.037.417.289
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		58.823.251.336	10.800.319.035	307.324.866.214	358.830.991.945
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	14.206.424.139	16.207.350.455	38.519.605.810	108.383.604.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	7.788.363.714	(14.277.976.919)	36.812.784.071	(34.329.718.968)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		36.828.463.483	8.870.945.499	231.992.476.333	284.777.106.847

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

DL

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

[Signature]

Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	307.324.866.214	358.830.991.945
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	220.369.378.212	305.680.398.206
Hoàn nhập (Trích lập) các khoản dự phòng	3	(182.000.873.786)	172.552.080.450
Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(3.023.868.882)	17.001.518.002
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(218.731.770.959)	(217.308.936.063)
Chi phí lãi vay	6	267.616.159.503	236.758.267.227
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	391.553.890.302	873.514.319.767
Tăng (giảm) các khoản phải thu	9	(230.952.973.057)	600.454.815.933
Giảm (Tăng) hàng tồn kho	10	1.264.857.111.718	(1.672.374.066.842)
Giảm (Tăng) các khoản phải trả	11	(461.115.337.747)	35.615.436.349
Tăng chi phí trả trước	12	(14.636.460.860)	(27.554.712.467)
Tiền lãi vay đã trả	14	(268.487.449.822)	(234.653.417.759)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(108.384.320.466)	(17.895.149.645)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.116.630.635)	(20.269.097.101)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	554.717.829.433	(463.161.871.765)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(52.212.112.940)	(50.861.930.044)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	66.666.666	36.450.713
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(8.819.969.788.048)	(10.792.579.228.649)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	9.093.641.673.403	9.889.645.833.486
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(238.380.561.414)	(115.000.000.000)
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	228.097.480.739	240.027.595.257
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	211.243.358.406	(828.731.279.237)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	13.746.434.916.542	17.806.202.277.793
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.563.339.906.775)	(16.779.997.434.386)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.685.335.000)	(116.212.720.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(931.590.325.233)	909.992.123.057
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(165.629.137.394)	(381.901.027.945)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	766.408.753.421	1.148.046.548.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(265.515.882)	263.233.039
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	600.514.100.145	766.408.753.421

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.fondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thép, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.

3. Mô hình hoạt động:

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.047 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.228 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Bảy (7) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhật Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH MTV Logistics Hưng Việt (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương) Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. Công ty TNHH Thép Indo Vina Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế Toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chỉ phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

15. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	50.401.849	109.261.936
Tiền gửi ngân hàng	500.463.698.296	766.299.491.485
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	600.514.100.145	766.408.753.421

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000.000	597.000.000.000
Trái phiếu	2.457.253.380.470	2.622.633.265.825
CỘNG	2.707.253.380.470	3.219.633.265.825
Dài hạn		
Trái phiếu	260.000.000.000	110.000.000.000
CỘNG	260.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.967.253.380.470	3.329.633.265.825

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	135.212.477.639	39.105.145.285
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	148.886.962.514	65.381.781.379
Duferco Sa	18.051.516.416	135.400.512.027
Eusider S.P.A.	-	101.077.644.156
Phải thu khách hàng khác	823.265.433.396	641.746.663.126
Phải thu từ các bên liên quan(Thuyết minh VII)	535.156.848.151	358.073.429.039
TỔNG CỘNG	1.660.573.238.116	1.340.785.175.012
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.329.806.913)	(30.473.702.367)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.629.243.431.203	1.310.311.472.645

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	-	5.255.725.342
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	506.843.001	3.924.391.591
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	6.708.044.950	1.414.681.037
Công ty CP Công Nghệ Bách Việt	3.165.018.600	-
Nhà cung cấp khác	5.507.621.935	2.264.151.854
CỘNG	15.887.528.486	12.858.949.824

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	3.134.768.250	9.771.605.400
Phải thu chi hộ	132.000.000	132.000.000
Lãi dự thu	27.107.863.085	29.806.028.638
Khác	14.786.118	77.948.180
CỘNG	30.389.417.453	39.787.582.218

Dài hạn

Ký quỹ, ký cược khác	789.160.000	729.160.000
Ký quỹ, ký cược bên liên quan(Thuyết minh VII)	4.590.000.000	4.140.000.000
CỘNG	5.379.160.000	4.869.160.000
TỔNG CỘNG	35.768.577.453	44.656.742.218



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thành phẩm	1.912.177.209.892	2.089.300.614.968
Nguyên liệu, vật liệu	1.008.321.760.760	1.778.795.659.697
Hàng đang đi trên đường	470.467.000.242	782.089.676.278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.625.474.420	45.703.132.878
Công cụ, dụng cụ	654.137.545	1.079.129.835
Hàng hoá	744.639.408	879.120.329
TỔNG CỘNG	3.432.990.222.267	4.697.847.333.985
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(67.859.631.293)	(250.716.609.625)
Giá trị thuần	3.365.130.590.974	4.447.130.724.360

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Số đầu năm</i>	250.716.609.625	83.669.602.335
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	67.859.631.293	250.716.609.625
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(250.716.609.625)	(83.669.602.335)
<i>Số cuối năm</i>	67.859.631.293	250.716.609.625

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	19.613.833.999	21.239.232.458
Công cụ, dụng cụ đang dùng	12.808.313.190	11.598.563.032
Khác	6.805.520.809	9.640.669.426
Dài hạn	300.305.379.038	284.043.519.719
Tiền thuê đất trả trước (*)	163.972.813.519	169.555.073.743
Công cụ, dụng cụ đang dùng	89.494.697.239	79.482.539.891
Khác	46.837.868.280	35.005.906.085
TỔNG CỘNG	319.919.213.037	305.282.752.177

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	708.825.716.026	3.435.960.134.398	143.410.062.009	16.405.859.262	4.304.601.771.695
Mua trong năm	4.081.645.683	25.185.954.850	1.095.000.000	2.849.803.000	33.212.403.533
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	35.003.450.421	-	-	35.003.450.421
Thanh lý	-	(800.000.000)	-	-	(800.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	712.907.361.709	3.495.349.539.669	144.505.062.009	19.255.662.262	4.372.017.625.649
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	37.857.991.694	1.212.343.690.496	53.069.589.397	13.183.899.188	1.316.455.170.775
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	254.074.181.128	2.326.080.451.262	114.344.280.529	14.944.650.265	2.709.443.563.184
Khấu hao trong năm	31.262.149.527	176.602.835.339	10.552.230.863	835.544.198	219.252.759.927
Thanh lý	-	(733.333.335)	-	-	(733.333.335)
Tại ngày 31/12/2025	285.336.330.655	2.501.949.953.266	124.896.511.392	15.780.194.463	2.927.962.989.776
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	454.751.534.898	1.109.879.683.136	29.065.781.480	1.461.208.997	1.595.158.208.511
Tại ngày 31/12/2025	427.571.031.054	993.399.586.403	19.608.550.617	3.475.467.799	1.444.054.635.873

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	23.104.676.227	140.630.976.227
Mua mới	-	2.110.600.000	2.110.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	129.000.000	129.000.000
Tại ngày 31/12/2025	117.526.300.000	25.344.276.227	142.870.576.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	16.144.726.727	16.144.726.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	-	17.819.105.570	17.819.105.570
Hao mòn trong năm	-	1.116.618.285	1.116.618.285
Tại ngày 31/12/2025	-	18.935.723.855	18.935.723.855
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	5.285.570.657	122.811.870.657
Tại ngày 31/12/2025	117.526.300.000	6.408.552.372	123.934.852.372

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản	-	35.003.450.421
Khác	21.578.389.943	4.818.280.536
TỔNG CỘNG	21.578.389.943	39.821.730.957

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	% sở hữu	Giá gốc	% sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	43.000.000.000	100	43.000.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100
Công Ty TNHH MTV Logistics Hưng Việt	50.000.000.000	100	42.600.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	9.000.000.000	100	9.000.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ	210.000.000.000	100	115.000.000.000	100
Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1	110.000.000.000	100	-	-
Công ty TNHH Thép Indo Vina	25.980.561.414	51	-	-
TỔNG CỘNG	497.980.561.414		259.600.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	93.954.452.418	125.435.599.670
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	63.517.219.982	55.883.429.913
Metal One Corporation	-	195.390.481.582
Jfe Shoji Corporation	132.138.569.750	241.554.692.470
Phải trả cho người bán Khác	204.217.162.378	498.579.355.029
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	912.312.734.387	724.976.078.113
TỔNG CỘNG	1.406.140.138.915	1.841.819.636.777

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	10.222.917.433	13.664.536.255
LLC Max Trade Group	3.367.568.059	-
ST.International Co.,LTD	-	7.533.595.183
P.E. Dives-Plus	-	6.062.602.320
Artsteel Canada Inc	-	6.260.012.100
LLC Dives-Plus	3.676.265.081	-
H.S.I.I CO., LTD.	7.659.454.160	-
Người mua trả tiền trước khác	9.327.954.179	23.563.502.974
TỔNG CỘNG	34.254.158.912	57.084.248.832

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số dư tại ngày 01/01/2025</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số dư tại ngày 31/12/2025</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	436.467.687.957	1.259.383.060.996	1.348.636.926.159	347.213.822.794
Thuế Thu nhập cá nhân	-	280.829.387	-	280.829.387
TỔNG CỘNG	<u>436.467.687.957</u>	<u>1.259.663.890.383</u>	<u>1.348.636.926.159</u>	<u>347.494.652.181</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.383.604.066	38.520.322.210	108.384.320.466	38.519.605.810
Thuế giá trị gia tăng	97.407.263.705	1.442.365.914.783	1.496.273.912.692	43.499.265.796
Thuế thu nhập cá nhân	5.115.940.183	13.696.185.516	18.812.125.699	-
Thuế nhập khẩu	138.872.286	445.172.332	459.751.206	124.293.412
Thuế bảo vệ môi trường	64.800.000	226.800.000	259.200.000	32.400.000
Khác	-	2.932.108.512	106.092.578	2.826.015.934
TỔNG CỘNG	<u>211.110.480.240</u>	<u>1.498.186.503.353</u>	<u>1.624.295.402.641</u>	<u>85.001.580.952</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2025 VND</i>	<i>01/01/2025 VND</i>
UPAS L/C	59.222.137.848	-
Khác	6.048.048.308	2.694.201.186
TỔNG CỘNG	<u>65.270.186.156</u>	<u>2.694.201.186</u>
Trong đó:		
Phải trả khác các bên khác	64.875.387.171	2.179.473.386
Phải trả khác các bên liên quan(Thuyết minh VII)	394.798.985	514.727.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.916.794.599.033	6.739.245.752.068
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	8.757.522.207	3.211.122.995
Trái phiếu chuyển đổi(Thuyết minh số 17)	55.685.663.962	-
CỘNG	5.981.237.785.202	6.742.456.875.063
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	24.083.186.050	24.083.422.460
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 17)	-	55.685.663.962
CỘNG	24.083.186.050	79.769.086.422
TỔNG CỘNG	6.005.320.971.252	6.822.225.961.485

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	USD	VND	USD
Vay và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	5.981.237.785.202	-	6.742.456.875.063	126.545.798
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	5.916.794.599.033	-	3.508.117.471.006	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	1.920.997.797.170	-	1.559.828.736.875	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.232.430.367.788	-	644.099.775.843	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	-	335.423.335.336	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	487.811.957.428	-	261.469.247.430	-
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	434.165.455.574	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	121.451.528.399	-	-	-
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	221.837.104.070	-	31.450.350.589	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	198.554.512.470	-	498.978.501.282	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	299.545.876.134	-	176.867.523.651	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	-	-	3.231.128.281.062	126.545.798
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-	-	1.855.364.430.613	72.647.131
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	-	-	943.249.687.467	36.916.351
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	23.474.224.685	918.721
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	409.039.938.297	16.063.595
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	8.757.522.207	-	3.211.122.995	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.757.522.207	-	3.211.122.995	-
<i>Trái phiếu Chuyển đổi</i>	55.685.663.962	-	-	-
Vay và trái phiếu chuyển đổi dài hạn	24.083.186.050	-	79.769.086.422	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	24.083.186.050	-	24.083.422.460	-
<i>Trái phiếu Chuyển đổi</i>	-	-	55.685.663.962	-
TỔNG	6.005.320.971.252	-	6.822.225.961.485	126.545.798

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND từ 4,40%/năm đến 7,00%/năm. Lãi suất vay dài hạn ngân hàng bằng VND từ 6,90%/năm đến 7,20%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÓN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Ngày 1 tháng 1 năm 2025 và

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản trái phiếu chuyển đổi này được trình bày là ngắn hạn vì thời gian đáo hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Kỳ trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.579.503.082.340	3.566.217.216.295	(114.691.510.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)		
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	284.777.106.847	284.777.106.847	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.176.267.454)	(25.176.267.454)	
Khác	-	-	-	-	(2.548.980.321)	(2.548.980.321)	
Tại ngày 31/12/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.721.863.431.412	3.708.577.565.367	
Kỳ này							
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.721.863.431.412	3.708.577.565.367	344.073.410.000
Tăng vốn	344.073.410.000	-	-	-	-	-	(458.764.920.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	231.992.476.333
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(22.782.168.548)	(22.782.168.548)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.158.035.756)	(3.158.035.756)	
Khác	-	-	-	-	1.469.150.783.441	1.469.150.783.441	
Tại ngày 31/12/2025	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.469.150.783.441	3.799.938.327.396	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu năm	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong năm	344.073.410.000	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000

18.3 Cổ phiếu

	31/12/2025 VND Số cổ phiếu	01/01/2025 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.098.851	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	149.098.851	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.198.879.421.379	18.960.178.657.217
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	11.729.171.154.121	16.627.105.542.831
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	3.469.708.267.258	2.333.073.114.386
Các khoản giảm trừ doanh thu	24.319.312.634	17.905.483.462
Doanh thu thuần	15.174.560.108.745	18.942.273.173.755
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	11.704.851.841.487	16.609.433.463.073
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	3.469.708.267.258	2.332.839.710.682

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	218.731.770.958	216.928.096.905
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	99.203.206.588	217.378.306.250
TỔNG CỘNG	317.934.977.546	434.306.403.155

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	14.200.555.593.347	17.493.453.703.576
TỔNG CỘNG	14.200.555.593.347	17.493.453.703.576

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lãi vay	267.616.159.503	236.758.267.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	92.198.617.122	110.926.019.435
TỔNG CỘNG	359.814.776.625	347.684.286.662

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	310.115.859.495	877.866.075.691
Chi phí lương nhân viên	54.912.336.128	51.129.799.282
Chi phí quảng cáo	42.462.052.952	36.114.235.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.101.633.743	128.284.628.189
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.068.858.693	5.944.322.700
TỔNG CỘNG	539.660.741.011	1.099.339.061.356

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.078.356.860	34.601.671.022
Chi phí nhân viên	43.015.184.087	39.298.332.972
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.129.681.136	5.903.873.506
dự phòng (hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	856.104.546	5.505.073.160
TỔNG CỘNG	88.079.326.629	85.308.950.660

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thu nhập khác	6.460.943.045	8.181.988.288
Thu nhập từ bán phế liệu	5.080.864.875	6.709.525.824
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	15.709.750
Khác	1.380.078.170	1.456.752.714
Chi phí khác	3.520.725.510	144.570.999
Chi phí từ thanh lý phế liệu	-	-
Tiền phạt thuế	3.208.588.707	8.496.603
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	312.136.803	136.074.396
Khác	-	-
Lợi nhuận khác	2.940.217.535	8.037.417.289

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.519.605.810	108.383.604.066
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.812.784.071	(34.329.718.968)
Chi phí thuế TNDN	75.332.389.881	74.053.885.098

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán hàng	1.823.526.243.415	943.460.314.933
		Bán dịch vụ	472.663.976	-
		Bán tài sản	66.666.666	-
		Mua dịch vụ	2.278.471.000	3.830.092.800
		Mua hàng	82.433.600	-
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng	899.737.653.715	809.536.515.977
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán hàng	647.876.034.517	441.999.118.372
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Mua dịch vụ	141.356.374.588	152.722.122.785
		Bán dịch vụ	1.920.000.000	1.920.000.000
		Công ty con chi hộ cho công ty mẹ	5.003.973.188	4.657.296.081
		Góp vốn	7.400.000.000	-
		Ký quỹ, ký cược	450.000.000	4.140.000.000
Đông Á Phú Mỹ	Công Ty con	Góp vốn	95.000.000.000	115.000.000.000
Đông Á Phú Mỹ 1	Công Ty con	Góp vốn	110.000.000.000	-
		Bán hàng	5.501.310.934	-
		Bán vật tư	64.952.020	-
		Mua dịch vụ	1.082.945.536	-
Công ty TNHH Thép Indo Vina	Công Ty con	Góp vốn	25.980.561.414	-
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	90.674.360.701	135.923.761.400
		Mua hàng	3.461.934.848.140	3.683.842.999.589

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu khác dài hạn				
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Bán hàng	290.278.932.585	182.702.291.170
Tôn Đông Á Bắc Ninh	Công ty con	Bán hàng	111.215.441.709	110.167.455.680
Tôn Đông Á Đà Nẵng	Công ty con	Bán hàng	127.650.215.436	58.776.577.432
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Ký quỹ, ký cược	4.590.000.000	4.140.000.000
Đông Á Phú Mỹ 1	Công ty con	Bán hàng	6.012.258.421	-
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	-	6.427.104.757
TỔNG CỘNG			539.746.848.151	362.213.429.039
Phải trả người bán ngắn hạn				
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Mua dịch vụ	11.083.972.957	12.286.854.995
Tôn Đông Á Long An	Công ty con	Mua dịch vụ	173.449.980	191.776.608
Đông Á Phú Mỹ 1	Công ty con	Mua dịch vụ	296.800.484	-
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	900.758.510.966	712.497.446.510
TỔNG CỘNG			912.312.734.387	724.976.078.113
Phải trả khác ngắn hạn				
Logistics Hưng Việt	Công ty con	Chi hộ	394.798.985	514.727.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Di An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	240.300.000	3.445.400.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.890.506.364	2.840.557.564
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	2.214.305.714	2.239.244.472
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.975.163.777	2.121.487.830
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	959.848.837	-
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.016.170.475	-
Ông Đỗ Hữu Vân	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.016.247.107	-
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2025	1.014.122.635	2.249.657.356
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	22.800.000	322.800.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	12.000.000	92.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	-	100.000.000
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	100.000.000
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS	-	50.000.000
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên BKS	-	20.000.000
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS	-	20.000.000
Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng BKS đến ngày 23/06/2023	-	30.000.000
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên BKS đến 23/06/2023	-	10.000.000
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên BKS đến 23/06/2023	-	5.000.000
TỔNG CỘNG		10.361.464.909	13.646.147.222

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Người lập
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân



Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Vĩnh Phước